



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 47**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2020/TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 10 năm 2020

TỜ TRÌNH SỐ 01
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2020
V/v sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Xây dựng 47;

Căn cứ yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty,

Trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và đáp ứng yêu cầu trong việc quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 với các điều khoản kèm theo tờ trình này (*Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty*).

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành. Kính trình Đại hội đồng cổ đông giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Trung Nam

PHỤ LỤC 1: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường 2020 số 01/2020/TTr-HĐQT ngày 22/10/2020)

Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Xây dựng 47 bao gồm các nội dung chi tiết như sau:

Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thông qua tại Đại hội đồng cổ đông theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 24/11/2018	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội được tổ chức vào ngày <u>08/11/2020</u>		Cập nhật ngày thông qua Điều lệ mới
Khoản 1 Điều 1 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này. b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014. c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010. d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định theo Luật Doanh	Khoản 1 Điều 1 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này. b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/OH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020</u> . c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/OH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019</u> . d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định theo Luật Doanh		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán mới

nghiệp và Luật Chứng khoán. g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6, Luật Chứng khoán. h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. ì. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản <u>18 Điều 4, Luật Chứng khoán</u>. h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. ì. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.		
Điều 3 Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Điều 3 Công ty có <u>hai (02)</u> Người đại diện theo pháp luật, <u>bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc</u>. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp.		Bổ sung Người đại diện theo pháp luật theo nhu cầu quản trị và điều hành của Công ty.
Khoản 7 Điều 6 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Khoản 7 Điều 6 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua <u>phù hợp với các quy định tại Điều lệ này</u> và của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		Điều 21 Điều lệ sửa đổi có quy định rõ về các nội dung và các thức thông qua ý kiến của ĐHĐCĐ, trong đó việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương họp ĐHĐCĐ trực tiếp
Khoản 2 Điều 7 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát	Khoản 2 Điều 7 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật

hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.	hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 121</u> Luật Doanh nghiệp.		Doanh nghiệp mới
Khoản 4 Điều 10 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Khoản 4 Điều 10 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 112</u> Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp mới
Điều 11 Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị (có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị); 3. Tổng giám đốc điều hành	Điều 11 Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị (có <u>Ủy ban Kiểm toán</u> trực thuộc Hội đồng quản trị); 3. Tổng giám đốc điều hành	Điểm b Khoản 1 Điều 137 - Luật Doanh nghiệp 2020	Cập nhật mô hình tổ chức theo Luật Doanh nghiệp mới
Điểm a Khoản 2 Điều 12 a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	Điểm a Khoản 2 Điều 12 a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến</u> hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;	Điểm a Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung nội dung liên quan tới quyền của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến
Điểm i Khoản 2 Điều 12 i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;	Điểm i Khoản 2 Điều 12 i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132</u> Luật Doanh nghiệp;		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp mới

Khoản 3 Điều 12 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm	Khoản 3 Điều 12 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>; b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Khoản 2 Điều 115 - Luật Doanh nghiệp 2020	Bỏ yêu cầu về thời gian nắm giữ tối thiểu Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp mới
--	---	--	---

tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.			
	<u>Khoản 4 Điều 12</u> <i>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 Điều lệ này.</i>	Khoản 5 Điều 115 - Luật Doanh nghiệp 2020	Điều chỉnh tỷ lệ tối thiểu của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào HĐQT
Khoản 1 Điều 14 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1 Điều 14 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết và có trách nhiệm xin cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung nội dung về gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết.
Khoản 2 Điều 14 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa	Khoản 2 Điều 14 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa	Điểm c Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019	

điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty <u>phải</u> mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.		
Khoản 2 Điều 15 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;	Khoản 2 Điều 15 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế	Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020	Làm rõ thẩm quyền của ĐHĐCĐ liên quan tới việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền (việc phát hành trái phiếu thông thường sẽ do HĐQT quyết định và báo cáo ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất) và một số nội dung khác theo Luật Doanh nghiệp 2020

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại; n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	thành viên Hội đồng quản trị; f. Tổng số tiền thù lao, <u>thưởng và lợi ích khác</u> của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; <u>h. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</u> i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại; o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 <u>Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; <u>p. Quyết định loại, tổng giá trị và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái</u>	Khoản 1 Điều 130	
--	---	-------------------------	--

	<u>phiếu kèm theo chứng quyền;</u> q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Luật DN 2020	
Điều 16: Đại diện theo Ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự	<u>Điều 16: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> <u>1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</u> <u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;</u> <u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</u> <u>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</u> 2. [Nội dung Khoản 1 Điều 16 Điều lệ hiện hành] 3. [Nội dung Khoản 2 Điều 16 Điều lệ hiện hành] 4. [Nội dung Khoản 3 Điều 16 Điều lệ hiện hành] 5. [Nội dung Khoản 4 Điều 16 Điều lệ hiện hành]	Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung nội dung nhằm tạo điều kiện để Công ty có thể tiến hành tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến trong những hoàn cảnh bất khả kháng

hợp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.			
Khoản 1 Điều 17	Khoản 1 Điều 17		

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. [...]	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>75%</u> cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>75%</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. [...]	Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ
Điểm a Khoản 2 Điều 18 a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Điểm a Khoản 2 Điều 18 a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 (mười) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp	Điều chỉnh thời gian từ khi lập danh sách cổ đông tới ngày gửi thông báo mời họp theo quy định của Luật DN 2020 và tạo thuận lợi cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ
Khoản 3 Điều 18 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả	Khoản 3 Điều 18 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>21 (hai mươi một)</u> ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020	

cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). [...]	cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). [...]		
Khoản 5 Điều 18 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Khoản 5 Điều 18 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ
Khoản 1 Điều 19 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 1 Điều 19 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020	
Khoản 7 Điều 20 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần	Khoản 7 Điều 20 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp mới.

thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.	thiết theo quy định tại <u>khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</u>		
Khoản 11 Điều 20 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.	Khoản 11 Điều 20 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. <u>Trong trường hợp đánh giá thấy việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp có thể không thực hiện được do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc có quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc trong các trường hợp cần thiết khác vì lợi ích của công ty và cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc áp dụng hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đồng thời/hoặc thay thế việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.</u> <u>Hội đồng quản trị có quyền xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quy chế quy định về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong trường hợp xét thấy cần thiết và lựa chọn hệ thống công nghệ thông tin phù hợp để hỗ trợ việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhằm bảo đảm công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</u>		Bổ sung việc phân quyền cho HĐQT trong việc quyết định hình thức tổ chức họp ĐHĐCĐ; xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến và lựa chọn hệ thống hỗ trợ việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến trong trường hợp cần thiết.
Điều 21 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội	Điều 21 <u>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết</u>	Điều 147 và 148 Luật Doanh nghiệp	Làm rõ các trường hợp lấy ý

đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có	<u>tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u> <u>Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u> 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <u>hoặc khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</u> <u>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</u> <u>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> <u>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</u> <u>d. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;</u> <u>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u> <u>f. Tổ chức lại hay giải thể Công ty.</u> <u>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu</u>	2020	kiến cổ đông bằng văn bản, đồng thời quy định rõ về tỷ lệ tán thành tối thiểu để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp
---	---	-------------	---

quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	<u>đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u> <u>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc khi có trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tán thành.</u> 5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.		
Khoản 1 Điều 22 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Khoản 1 Điều 22 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty <u>kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</u>	Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020	Làm rõ các trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Khoản 2 Điều 22 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	Khoản 2 Điều 22 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>hai mươi một (21)</u> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.		Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ
Khoản 9 Điều 22 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 9 Điều 22 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, <u>trừ những trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</u> <u>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u> có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 148 và 149 Luật Doanh nghiệp 2020	Làm rõ các trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, đồng thời quy định rõ về tỷ lệ tán thành tối thiểu để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản
Khoản 2 Điều 25 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề	Khoản 2 Điều 25 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10% đến dưới 20%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ 20% đến dưới 30%</u>		Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 12

cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.		
Khoản 2 Điều 26 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 2 Điều 26 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.</u>	Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020	Quy định cụ thể về số lượng và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập
Khoản 2 Điều 27 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển	Khoản 2 Điều 27 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển	Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung làm rõ thẩm quyền của HĐQT trong việc quyết định một số vấn đề quan trọng của Công ty

trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ; i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;	trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <i>c. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc;</u></i> d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;		
--	--	--	--

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông; o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của luật pháp.	i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; <i>l. <u>Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></i> <i>m. <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></i> n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; <i>o. <u>Quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, giá chào bán và thời điểm chào bán trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất phù hợp theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;</u></i> <i>p. <u>Quyết định phương án, dự án đầu tư và các giao dịch trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</u></i> q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;	Điều b Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2020	
---	--	---	--

	r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; s. Các quyền và nghĩa vụ khác <i>theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của luật pháp.</i>		
Điểm c Khoản 3 Điều 27 c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;	Điểm c Khoản 3 Điều 27 c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 <u>Điều 153</u> Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 <u>Điều 138</u> và khoản 1, khoản 3 <u>Điều 167</u> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp mới.
Khoản 1 Điều 29 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.	Khoản 1 Điều 29 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công Ty.</u>	Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020	Tách bạch rõ hai chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
Khoản 3 Điều 31 3. Các quy định liên quan về cơ cấu tổ chức, quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ. 3.1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm toán nội bộ: Số lượng thành viên của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm, nhưng tối thiểu là 03 (ba) thành viên. Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	Khoản 3 Điều 31 <u>3. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị lập ra.</u> Các quy định liên quan về cơ cấu tổ chức, quyền hạn của <u>Ủy ban kiểm toán như sau:</u> 3.1. Cơ cấu tổ chức của <u>Ủy ban kiểm toán:</u> Số lượng thành viên của <u>Ủy ban kiểm toán</u> do	Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020 và theo mô hình quản trị, điều hành của Công ty	Cập nhật mô hình quản trị mới, theo đó Ủy ban kiểm toán sẽ thay thế vai trò của Ban kiểm toán nội bộ trước đây.

do Hội đồng quản trị quyết định. 3.2 Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ có trình độ chuyên môn phù hợp và có ít kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động và tuân thủ. Ít nhất một thành viên của Ban kiểm toán nội bộ có các chứng chỉ. Bằng cấp hoặc có kinh nghiệm liên quan đến kế toán, kiểm toán hoặc tài chính và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của công ty. 3.3. Ban kiểm toán nội bộ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Khi nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị về công việc hoặc nhiệm vụ, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ lập kế hoạch để thực hiện công việc, nhiệm vụ được yêu cầu. Ban kiểm toán nội bộ thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao theo kế hoạch được Hội đồng quản trị chấp thuận. Khi kết thúc nhiệm vụ, Ban kiểm toán nội bộ phải báo cáo kết quả về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị. b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, kế hoạch từng cuộc kiểm toán, cách thức thực hiện công việc kiểm toán; xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ quản lý rủi ro của từng phòng ban, đơn vị trực thuộc làm cơ sở để lập kế hoạch kiểm toán. c. Tiếp nhận tất cả các ý kiến đóng góp, phản ánh, khiếu nại của người lao động, cấp quản	Hội đồng quản trị quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm, nhưng tối thiểu là <u>02 (hai)</u> thành viên. <u>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</u> 3.2 Các thành viên <u>Ủy ban kiểm toán có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phân công công việc cho các thành viên của Ủy ban kiểm toán dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</u> <u>3.3. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán:</u> <u>Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u> <u>a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;</u> b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, kế hoạch từng cuộc kiểm toán, cách thức thực hiện công việc kiểm toán; xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ quản lý rủi ro của từng phòng ban, đơn vị trực thuộc làm cơ sở để lập kế hoạch kiểm toán; c. Tiếp nhận tất cả các ý kiến đóng góp, phản ánh, khiếu nại của người lao động, cấp quản		
--	---	--	--

lý trong công ty về tất cả những sai phạm, thiếu sót trong quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro trong hoạt động của công ty đối với bất kỳ cá nhân nào. Ban kiểm toán nội bộ phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại. d. Trường hợp phát hiện thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác có những hành vi sai trái, hành vi gây thất thoát tài sản công ty hoặc vi phạm nghĩa vụ người quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và thông báo ngay đến Hội đồng quản trị bằng văn bản để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý. e. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý; công tác điều hành hoạt động công ty theo Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. f. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ an toàn trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong công tác kế toán, lập báo cáo tài chính. g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty. Nội dung thẩm định của các báo cáo này được báo cáo trong cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị. h. Giám sát, kiểm tra các vấn đề liên quan đến	lý trong công ty về tất cả những sai phạm, thiếu sót trong quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro trong hoạt động của công ty đối với bất kỳ cá nhân nào. Ban kiểm toán nội bộ phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại. d. Trường hợp phát hiện thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác có những hành vi sai trái, hành vi gây thất thoát tài sản công ty hoặc vi phạm nghĩa vụ người quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và thông báo ngay đến Hội đồng quản trị bằng văn bản để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý. e. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý; công tác điều hành hoạt động công ty theo Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. f. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ an toàn trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong công tác kế toán, lập báo cáo tài chính. g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty. Nội dung thẩm định của các báo cáo này được báo cáo trong cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị. h. Giám sát, kiểm tra các vấn đề liên quan đến		
--	--	--	--

bộ máy, nhân sự bao gồm việc tuyển dụng, bổ nhiệm các chức danh lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ với các chức danh và vị trí tuyển dụng trong công ty. i. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy trình, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm tăng cường biện pháp quản lý tài sản, tăng hiệu quả hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty. j. Được Công ty trang bị công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các phòng ban, công trường, đơn vị trong Công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm toán và có trách nhiệm bảo vệ bí mật các số liệu, tài liệu, thông tin được cung cấp. k. Phát hiện và đề xuất các biện pháp đến Hội đồng quản trị để ngăn ngừa tất cả các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngăn chặn những hành vi sai trái có thể hoặc đã thực hiện, có thể hoặc đã gây ảnh hưởng xấu, thiệt hại đến hoạt động của công ty. l. Xem xét kết quả, báo cáo về điều tra các vi phạm, gian lận, theo dõi sự khắc phục sau điều tra, Theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ quy định của nội bộ công ty, điều lệ công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật. m. Ban kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm về	bộ máy, nhân sự bao gồm việc tuyển dụng, bổ nhiệm các chức danh lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ với các chức danh và vị trí tuyển dụng trong công ty. <u>i. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>j. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</u> <u>k. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;</u> l. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy trình, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm tăng cường biện pháp quản lý tài sản, tăng hiệu quả hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty. m. Được Công ty trang bị công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các phòng ban, công trường, đơn vị trong Công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các		
---	--	--	--

hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty. n. Ban kiểm toán nội bộ được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. o. Ban kiểm toán nội bộ cần lấy ý kiến của Hội đồng quản trị về kế hoạch kiểm toán trước khi tiến hành thực hiện.	hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm toán và có trách nhiệm bảo vệ bí mật các số liệu, tài liệu, thông tin được cung cấp. n. Phát hiện và đề xuất các biện pháp đến Hội đồng quản trị để ngăn ngừa tất cả các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngăn chặn những hành vi sai trái có thể hoặc đã thực hiện, có thể hoặc đã gây ảnh hưởng xấu, thiệt hại đến hoạt động của công ty. o. Xem xét kết quả, báo cáo về điều tra các vi phạm, gian lận, theo dõi sự khắc phục sau điều tra, Theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ quy định của nội bộ công ty, điều lệ công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật. p. <u>Ủy ban kiểm toán</u> chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty. q. <u>Ủy ban kiểm toán</u> được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. r. <u>Ủy ban kiểm toán</u> cần lấy ý kiến của Hội đồng quản trị về kế hoạch kiểm toán trước khi tiến hành thực hiện.		
Khoản 1 Điều 37 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp	Khoản 1 Điều 37 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 164</u> Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp		Cập nhật dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp mới.

luật khác.	luật khác.		
Khoản 1 Điều 54 1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần xây dựng 47 nhất trí thông qua ngày 12/05/2019 tại Bình Định và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Khoản 1 Điều 54 1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần xây dựng 47 nhất trí thông qua ngày 08/11/2020 tại Bình Định và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.		Cập nhật ngày thông qua Điều lệ và ngày có hiệu lực của Điều lệ.